

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21/6/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên

- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08 ngày 18/4/2019, Thông báo về việc tiếp tục tiến hành phiên tòa số 09 ngày 18/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan A**, sinh ngày 02/6/1980

Nơi cư trú: Đài Loan (Trung Quốc).

Hiện ở: phường P, thành phố C, Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú : phường P, thành phố C, Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố C, Hải Dương vào năm 1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, bất đồng quan điểm về nuôi dạy con cái. Vợ chồng không tôn trọng, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù anh chị đã tự hòa giải và được gia đình nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Sau đó, chị Lan A đi Đài Loan làm ăn từ năm 2013. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Khi nộp đơn và các tài liệu kèm theo, chị đang cư trú ở Đài Loan nên ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn V nộp thay. Nay chị về Việt Nam nghỉ

phép và ở tại nhà ông V, phường P, thành phố C, Hải Dương.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Lâm O, sinh 06/8/1997 (đã trưởng thành, lập gia đình riêng) và Phạm Thị Lệ Q, sinh 06/8/2006. Hiện cháu Q đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị giải quyết con chung theo nguyện vọng của cháu Q.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

* *Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Lan A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị Lan A đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh, quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra vấn đề gì cho đến khi chị Lan A đi Đà Loan từ năm 2013. Thời gian đầu chị Lan A vẫn liên lạc qua điện thoại với anh, sau đó thưa dần và khoảng hơn một năm trở lại đây hai bên không liên lạc với nhau nữa. Nguyên nhân do chị Lan A đã có người khác, nhiều năm nay chị không quan tâm đến anh và các con, không gửi tiền cho anh nuôi con, thi thoảng chị cũng về Việt Nam nhưng không về chung sống cùng anh. Việc cưới con lớn cũng do mình anh lo liệu. Nay chị Lan A có đơn xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L đã trình bày. Cháu O đã trưởng thành anh T không yêu cầu giải quyết, anh đề nghị được nuôi cháu Q vì cháu có nguyện vọng ở với anh. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Tòa án tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 48 BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Đương sự cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS. VKS phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xử cho chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn anh Phạm Văn T; về con chung: giao con chung là Phạm Thị Lệ Q, sinh 06/8/2006 cho anh T nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi và chị Lan A không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Lan A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lan A đang làm việc và cư trú ở Đà Loan nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A và anh T đều xác định vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, thị xã C (nay là phường P, thành phố C), Hải Dương vào ngày 13/11/1996, phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc). Tuy nhiên, căn cứ vào chứng minh nhân dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu gia đình và một số tài liệu khác có trong hồ sơ, xác định chị Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 02/6/1980 và anh Phạm Văn T, sinh ngày 08/02/1976. Tại thời điểm anh chị đăng ký kết hôn ngày 13/11/1996 là áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, khi đó anh T đã hơn 20 tuổi, còn chị Lan A mới được 16 tuổi 05 tháng 11 ngày. Như vậy, việc kết hôn của anh chị đã vi phạm Điều 5 Luật HNGĐ năm 1986 về độ tuổi kết hôn “ nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Tuy nhiên, đến nay anh T và Lan A đã đủ tuổi kết hôn theo quy định và đều đề nghị xác định hôn nhân là hợp pháp. Căn cứ theo Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, cho nên xác định quan hệ hôn nhân của chị Lan A và anh T là hợp pháp, kể từ ngày chị Lan A đủ tuổi kết hôn là ngày 02/6/1997. Nay các đương sự đề nghị giải quyết ly hôn, Tòa án sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung.

Xem xét về yêu cầu xin ly hôn của chị Lan A thì thấy: Sau khi kết hôn, chị Lan A và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2013 chị Lan A đi Đài Loan thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Vì vậy vợ chồng đã không quan tâm và không liên lạc với nhau nhiều năm nay. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan A, xử cho chị Lan A được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị Lan A và anh T có hai con chung là Phạm Lâm O, sinh ngày 06/8/1997, và Phạm Thị Lệ Q, sinh 06/8/2006. Hiện cháu O đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên không xem xét giải quyết. Cháu Q chưa thành niên, đang đi học và ở cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T xin được nuôi cháu Q và nguyện vọng của cháu Q muốn được ở với anh T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q, là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lan A và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Lan A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Lệ Q, sinh 06/8/2006, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Lan A không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

- Chị Nguyễn Thị Lan A có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị N đã nộp thay cho chị Lan A, theo biên lai thu số AA/2017/0006026 ngày 18/01/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Lan A đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Phả Lại, Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Yến